

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 304/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định điều kiện tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định điều kiện tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định điều kiện tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ theo điểm đ khoản 2 Điều 198a Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức tín dụng.
- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ (sau đây gọi là tổ chức mua bán, xử lý nợ).
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chỗ ở duy nhất là chỗ ở hợp pháp của bên bảo đảm là cá nhân và đáp ứng các điều kiện sau:

- Là tài sản thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm;
- Là nơi bên bảo đảm đăng ký thường trú hoặc tạm trú;

c) Nếu bị thu giữ tài sản bảo đảm là chỗ ở duy nhất, bên bảo đảm không có chỗ ở khác.

2. Công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất là động sản được dùng làm phương tiện sinh sống chủ yếu hoặc duy nhất của bên bảo đảm là cá nhân và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tại thời điểm quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này, công cụ lao động có giá trị không quá 24 tháng lương tính theo mức lương tối thiểu quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Nếu bị thu giữ tài sản bảo đảm là công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất, bên bảo đảm không có đủ thu nhập tối thiểu bằng mức lương tối thiểu theo vùng nơi bên bảo đảm đang thực tế sinh sống theo quy định của Chính phủ về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 4. Điều kiện tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ

1. Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là chỗ ở duy nhất hoặc công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất chỉ được thu giữ khi đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều 198a Luật số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15 và một trong các điều kiện sau:

a) Trường hợp thu giữ chỗ ở duy nhất đã được xác nhận và chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này, bên nhận bảo đảm trích một khoản tiền cho bên bảo đảm bằng 12 tháng lương tính theo mức lương tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

b) Trường hợp thu giữ công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất không hình thành từ vốn vay đã được xác nhận và chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này, bên nhận bảo đảm trích một khoản tiền cho bên bảo đảm bằng 06 tháng lương tính theo mức lương tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

2. Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu không phải là tài sản quy định tại khoản 1 Điều này được thu giữ khi đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều 198a Luật số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của bên bảo đảm

1. Tại hợp đồng bảo đảm hoặc tại văn bản khác, bên bảo đảm có cam kết xác nhận và chứng minh tài sản bảo đảm thuộc hoặc không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này theo yêu cầu của bên nhận bảo đảm trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên nhận bảo đảm. Phương thức gửi yêu cầu được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 hoặc điểm c khoản 4 Điều 198a Luật số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

2. Trường hợp bên bảo đảm không thực hiện xác nhận và chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều này, tài sản bảo đảm là chỗ ở, công cụ lao động được xác định không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

3. Chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận và tính đúng đắn, hợp pháp của các tài liệu chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều này, bao gồm:

a) Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với tài sản bảo đảm và các tài sản khác (nếu có);

b) Sao kê tài khoản ngân hàng ghi nhận thu nhập hàng tháng của bên bảo đảm;

c) Tài liệu chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân của bên bảo đảm;

d) Hóa đơn điện hoặc nước hoặc internet ghi nhận địa chỉ thường trú, tạm trú của bên bảo đảm;

đ) Các tài liệu chứng minh khác.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ

1. Cung cấp đầy đủ thông tin cho bên bảo đảm về quyền và trách nhiệm của bên bảo đảm, quyền và trách nhiệm của bên nhận bảo đảm được quy định tại Nghị định này.

2. Trích khoản tiền cho bên bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này và được tính số tiền này vào chi phí xử lý tài sản bảo đảm.

3. Tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này hoặc tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này khi đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

Việc thu giữ tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 198a Luật số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

Điều 7. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hợp đồng bảo đảm hoặc các văn bản thỏa thuận đã ký trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ khi đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các Tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b). 85

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Đức Phớc